TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-PT
Ngày: 11- 01-2024
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người đã chết để lại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**
Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thu Hồng**
Ông **Phí Thành Chung**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** – Thẩm tra viên chính -Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hà Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2023/TLPT - DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người đã chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện TO9, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 656/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **NTH1**, sinh năm 1973. *Có mặt.*

Trú tại: Số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, Hà Nội.

Bị đơn: Chị **NTH2**, sinh năm 1970. *Có mặt.*

Trú tại: Số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, TO9, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **LTY3**, sinh năm 1981 (vợ anh NTH1);

Trú tại: Số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, TO9, Hà Nội.

2. Anh **NTH4**, sinh năm 1976 (em trai anh H1);

3. Chị **NTH5**, sinh năm 1978 (em gái anh H1);

Đều trú tại: 363/63/14 TNH10, phường PT11, quận TP12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y3, anh H4, chị H5: Anh **NTH1**, sinh năm 1973. Trú tại: Số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2023, 09/01/2024. *Có mặt.*

Do có kháng cáo của bị đơn là chị NTH2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh NTH1 trình bày:***

Bố anh là ông NTD13, sinh năm 1946 - chết ngày 12/8/2004. Tài sản thừa kế của bố anh đã được phân chia theo bản án dân sự phúc thẩm số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Mẹ anh là bà NTP14, sinh năm 1949 - chết ngày 28/10/2022. Khi còn sống mẹ anh trú tại số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ theo bản án số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì bà NTP14 là chủ sử dụng thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Hàng thừa kế của bà NTP14 gồm có:

1. NTH2, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, Huyện TO9, thành phố Hà Nội.

2. NTH1, sinh năm 1973; Địa chỉ: số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, Huyện TO9, thành phố Hà Nội.

3. NTH4, sinh năm 1976; Trú tại: 363/63/14 TNH10, phường PT11, quận TP12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. NTH5, sinh năm 1978; Trú tại: 364/63/14 TNH10, phường PT11, quận TP12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1996 bố mẹ anh bán thửa đất này cho anh để lấy tiền làm nhà thờ. Còn chính thức viết giấy tờ là vào ngày 28/9/2021. Việc này có hai em anh là anh H4 và chị H5 làm chứng.

Về các tài liệu giấy tờ, anh có Bản cam kết của mẹ "về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và phân chia tài sản" ngày 29/9/2021.

Tại phần quyết định của bản án số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ghi rõ: *"Bà NTP14 được quyền sử dụng phần diện tích đất 162m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội. Vị trí cụ thể: Được kí hiệu là 46(2) giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,7,1.*

Do bà NTP14 đã chết ngày 28/10/2020 nên giao cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà P14 gồm chị NTH2, anh NTH1, anh NTH4, chị NTH5 được quyền quản lý và sử dụng phần đất này. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà P14 được thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với phần diện tích đất nêu trên cho đến khi những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà P14 và những người có quyền lợi liên quan đối với phần diện tích đất này tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện phân chia tài sản bằng một vụ kiện khác."

Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của mẹ anh (bà NTP14) phải thực hiện nghĩa vụ giao trả lại cho anh quyền sử dụng đất của thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã

TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội. Về án phí, anh xin tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị NTH2 trình bày: Về huyết thống, bố chị tên là NTD13, sinh năm 1946 (chết năm nào chị không nhớ) và mẹ là bà NTP14, sinh năm 1949 - chết ngày 28/10/2022.

Bố mẹ chị sinh được 4 người con có tên như nguyên đơn đã trình bày trên. Ngoài ra bố mẹ chị không có con riêng, con nuôi nào cả. Bố chị khi chết không để lại di chúc.

Về nguồn gốc của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5, diện tích 270m^2 có nguồn gốc là của bố chị được mua năm 1989 do thời điểm đó nhà đông con. Đến năm 1995, bố mẹ chị vào miền Nam thì không đóng tiền thóc đất nữa, UBND xã TV8 bảo chị nếu không đóng tiền thóc thì thu lại đất, nên chị đã đồng ý đóng tiền thóc và UBND xã TV8 cho chị đứng tên thửa đất này từ năm 1995.

Trên sổ sách của xã và huyện là thửa đất số 46 đứng tên chị. Nên chị không đồng ý chia cho ai cả. Bố mẹ chị cũng không có quyền gì ở thửa đất này.

Nay anh H1 có yêu cầu khởi kiện, chị không đồng ý vì thửa đất này là của chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NTH4 và chị NTH5 thống nhất trình bày: Các anh chị có bố đẻ là ông NTD13, sinh năm 1946 chết ngày 12/8/2004. Tài sản thừa kế của bố anh chị đã được phân chia theo bản án số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và mẹ đẻ là bà NTP14, sinh năm 1949 - chết ngày 28/10/2022. Khi còn sống mẹ anh chị trú tại số nhà 2, xóm LT6, thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Căn cứ theo bản án số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì bà NTP14 là chủ sử dụng thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Năm 1996 bố mẹ anh chị có bán toàn bộ thửa đất 46, thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội cho anh trai là NTH1 để lấy tiền làm nhà thờ. Việc mẹ của các anh chị bán toàn bộ thửa đất 46 này lúc đó còn có bố và mẹ anh chị còn sống và đồng ý bán cho anh NTH1. Việc bố mẹ anh chị bán đất tại thửa 46 này có tất cả anh chị em đều biết.

Năm 2009 gia đình anh chị làm nhà thờ, tiền làm nhà thờ là do anh H1 bán đất ở trong Sài Gòn mang về mua đất của mẹ anh chị tại thửa đất số 46 trên để mẹ có tiền làm nhà thờ.

Về các tài liệu giấy tờ, anh NTH1 có giấy cam kết của mẹ các anh chị về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H1 để có tiền mẹ làm nhà thờ.

Nay anh NTH1 kiện yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà NTP14 phải thực hiện nghĩa vụ giao trả lại cho anh H1 quyền sử dụng đất của thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8,

huyện TO9, thành phố Hà Nội, các anh chị hoàn toàn đồng ý và đề nghị Tòa án thanh toán di sản thừa kế của mẹ các anh chị là quyền sử dụng thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội cho anh NTH1.

Tại biên bản thẩm định và biên bản định giá tài sản: hiện trạng thửa đất không có tài sản gì xây dựng trên đất, tường bao xây bằng gạch ba banh do anh H1 xây năm 2012.

Về giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại địa phương thời điểm dịnh giá, đối với đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.000.000 đồng/m^2

Thửa đất số 46 tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8 theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn đến năm 2030 phù hợp là quy hoạch đất ở.

Phần tài sản là di sản của người chết (bà NTP14) để lại là thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Bản án sơ thẩm số 29/2023/DS- ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh TO9, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về của anh NTH1 về việc "Kiện thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

2. Buộc Chị NTH2, anh NTH1, anh NTH4, chị NTH5 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà NTP14. Phải thực hiện nghĩa vụ chuyển giao lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội cho anh NTH1.

Vị trí cụ thể: Được kí hiệu là 46(2) giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,7,1 (có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Anh NTH1 có quyền sử dụng thửa đất số 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Anh NTH1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn chị NTH2: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Toà án nhân dân huyện TO9 và đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của anh NTH1.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên lời khai tại cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo, không đồng ý bản án dân sự phúc thẩm chia thừa kế số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và bản án sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Toà án nhân dân huyện TO9.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, và không thỏa thuận giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án;

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, VKS đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện TO9, thành phố Hà Nội về phần tuyên án phí: ghi nhận sự tự nguyện của anh H1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị NTH2 nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Tại phiên toà phúc thẩm: có mặt nguyên đơn, bị đơn; đại diện của những người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan có ủy quyền. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét toàn bộ kháng cáo của chị NTH2: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh NTH1 vì cho rằng diện tích đất 270m^2 tại thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội là của chị mua lại chứ không phải di sản thừa kế của của bố mẹ chị là ông NTD13 và bà NTP14.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông NTD13, sinh năm 1946 và chết năm 2004, bà NTP14 sinh năm 1949 và chết ngày 28/10/2022.

Ông D13 và bà P14 sinh được 4 người con là: 1.NTH2, sinh năm 1970; 2. NTH1, sinh năm 1973; 3. NTH4, sinh năm 1976; 4. NTH5, sinh năm 1978.

Ông D13 chết năm 2004 bà P14 chết năm 2022; lúc chết có để lại di sản là diện tích đất 270m^2 tại thửa đất 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, Thành phố Hà Nội.

Năm 2022 anh H1 yêu cầu chia thừa kế đối với di sản trên.

Bản án số 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có phần quyết định: *"Bà NTP14 được quyền sử dụng phần diện tích đất 162m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, Thành phố Hà Nội. Vị trí cụ thể: Được kí hiệu là 46(2) giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,7,1.*

Do bà NTP14 đã chết ngày 28/10/2020 nên giao cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà P14 gồm chị NTH2, anh NTH1, anh NTH4, chị NTH5 được quyền quản lý và sử dụng phần đất này. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà P14 được thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với phần diện tích đất nêu trên cho đến khi những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà P14 và những người có quyền lợi liên quan đối với phần diện tích đất này tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện phân chia tài sản bằng một vụ kiện khác."

Sau khi bản án có hiệu lực anh H1 đề nghị chị H2 anh H4, chị H5 chuyển giao quyền sử dụng đất là 162m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội mà bà NTP14 được chia theo bản án dân sự phúc thẩm lý do vì năm 1999 bố mẹ anh đã bán lại cho anh diện tích đất nói trên. Tuy nhiên, chỉ có anh H4, chị H5 đồng ý trả anh H1 đất theo di nguyện của bà P14 còn chị H2 không đồng ý nên anh H1 khởi kiện.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh NTH1 có giao nộp những giấy tờ liên quan đến yêu cầu khởi kiện như: Giấy tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8, huyện TO9; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất từ năm 2011 đến năm 2019 tên người nộp thuế đất là ông NTH1; Giấy di chúc biên bản phân chia di sản thừa kế; Biên bản kết thúc công khai năm 2016; Tờ trình về việc đề nghị công nhận quyền sử dụng đất cho ông NTH1 của UBND xã TV8; Tuy nhiên ông H1 không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Theo thông báo của UBND xã TV8 kết luận Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8, huyện TO9 của ông H1 chưa đủ điều kiện theo quy định với lý do Sổ mục kê năm 1996 là tên chị NTH2; Việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông NTD13, bà NTP14 từ năm 1996 cho anh H1 không có giấy tờ không phù hợp với khoản 54 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết Luật đất đai.

Ngày 17/3/2018 bà NTP14 uỷ quyền cho cho anh NTH1 thực hiện ký các giấy tờ liên quan đến việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 46, tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8, huyện TO9. Ngày 24/3/2018 ông NTH4 và bà NTH2 cũng uỷ quyền cho ông NTH1 với nội dung uỷ quyền như trên. Tuy nhiên, ông H1 chưa hoàn thành việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 19/09/2021 bà NTP14 có lập một bản cam kết tại phòng công chứng BM15. Tại mục 1 ghi thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội ... là của vợ chồng tôi.

Mục 3 của nội dung cam kết có ghi quyền sử dụng đất trên chồng tôi, tôi chưa viết bất cứ một văn bản hoặc giấy tờ gì liên quan đến chuyển dịch quyền sử dụng đất trên (bán, tặng cho, hiến, biếu, thế chấp).

Ngày 28/9/2021 bà NTP14 viết 01 bản cam kết có chữ ký chữ viết NTP14 và điểm chỉ. Nội dung cam kết thể hiện bà P14 đã bán lại cho anh H1 thửa đất Sau Đồng.

Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và bản án 29/2023/DS-PT ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xác định ông NTD13 và bà NTP14 là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội. Ông D13 chết năm 2004 không để lại di chúc, bà P14 chết năm 2022 không để lại di chúc. Bản án phúc thẩm của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã phân chia tài sản chung của vợ chồng Ông D13 và chia di sản thừa kế của Ông D13. Cho đến nay bản án phúc thẩm đã có hiệu lực thi hành.

Về việc bà P14 xác nhận cam kết đã bán thửa đất 270m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội cho anh NTH1.

Hội đồng xét xử nhận thấy thửa đất trên là tài sản chung của ông D13 bà P14; ông D13 mất năm 2004 nếu có việc mua bán thì bà P14 cũng không phải là người được toàn quyền quyết định được đối với thửa đất này.

Tuy nhiên, anh H1 xuất trình những giấy tờ như biên lai tiền thuế sử dụng đất từ năm 2012 phù hợp với nguyện vọng của bà NTP14 được thể hiện tại giấy di chúc đề ngày 08/02/2012 và được anh H4, chị H5, anh H1 là các anh chị em ruột cùng hàng thứ kế thứ nhất với anh H1 xác nhận việc anh H1 đã bỏ tiền xây nhà thờ và mẹ anh đã tuyên bố và viết giấy cam kết bán lại mảnh đất nói trên cho anh H1. Mặt khác chị H2 cũng thừa nhận năm 2012 anh H1 bỏ tiền ra xây tường bao và sử dụng phần đất này từ đó cho đến nay, lý do chị H2 không phản đối anh H1 xây tường là vì lúc anh H1 xây chị không có nhà nhưng không có có chứng cứ chứng minh và sau đó chị H2 cũng không sử dụng thửa đất này.

Năm 2016 anh H1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng theo thông báo của UBND xã BN7 thì anh H1 chưa đủ điều kiện vì chưa được chủ sử dụng tài sản chuyển nhượng hợp pháp, sau đó bà P14, anh H4, chị H5 đã uỷ quyền cho anh H1 thay mặt gia đình bà xin cấp giấy chứng nhận.

Đến ngày 19/09/2021 bà NTP14 có lập một bản cam kết tại Phòng Công chứng BM15. Tại mục 1 ghi thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5 thôn BN7, xã TV8, huyện TO9 thành phố Hà Nội ... là của vợ chồng tôi.

Mục 3 của nội dung cam kết có ghi quyền sử dụng đất trên chồng tôi, tôi chưa viết bất cứ một văn bản hoặc giấy tờ gì liên quan đến chuyển dịch quyền sử dụng đất trên (bán, tặng cho, hiến, biếu, thế chấp), nhưng đến ngày 28/9/2021 bà NTP14 viết 01 bản cam kết có chữ ký chữ viết NTP14 và điểm chỉ. Nội dung cam kết thể hiện bà P14 đã bán lại cho anh H1 thửa đất Sau Đồng. Cam kết này chị H5 anh H4 không ký vào cam kết nhưng khẳng định bà P14 là người ký điểm chỉ vào cam kết và khẳng định ý chí của bà P14 là muốn trả anh H1 toàn bộ thửa đất nói trên.

Xét thấy tài liệu anh H1 nộp tại Toà án cùng các lời khai của anh H1, chị H5, anh H4 thấy bà NTP14 đã thể hiện rõ ý chí là giao toàn quyền sử dụng mảnh đất thuộc quyền sử dụng của bà và ông NTD13 cho anh NTH1. Mặc dù bà P14 không có quyền quyết định chuyển nhượng cho anh H1 toàn bộ thửa đất nêu trên nhưng có quyền đối với 1/2 thửa đất cùng một phần di sản do ông D13 để lại, việc anh H1 chưa hoàn thành thủ tục sang tên nằm ngoài ý chí của bà NTP14.

Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu các đồng kế thừa phải thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại, cụ thể giao trả anh H1 quyền sử dụng phần diện tích đất 162m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 5; địa chỉ: Thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội là phù hợp với pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị NTH2.

[3] Về án phí:

Anh NTH1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm buộc anh H1 phải chịu là chưa phù hợp nên cần sửa cách tuyên về vấn đề này.

Vì án bản án sơ thẩm bị sửa nên chị H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 615; 658 Bộ luật dân sự năm 2015;

Luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị NTH2.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 29/2023/DS- ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh TO9, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NTH1 về việc "Kiện thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

2.2. Buộc chị NTH2, anh NTH1, anh NTH4, chị NTH5 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà NTP14 phải thực hiện nghĩa vụ chuyển giao lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46(2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội cho anh NTH1.

Vị trí cụ thể: Được kí hiệu là 46 (2) giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,7,1 (có sơ đồ cụ thể kèm theo)

Anh NTH1 có quyền sử dụng thửa đất số 46 (2), thuộc tờ bản đồ số 05, diện tích 162m^2 tại thôn BN7, xã TV8, huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Anh NTH1 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Pháp luật.

3. Án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh NTH1 nộp 23.440.000 (Hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo biên lai số 0054183 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO9. Số tiền còn lại anh H1 phải nộp là 11.440.000 (Mười một triệu, bốn trăm bốn mươi) đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho chị NTH2 số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0054251 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO9, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc trả tiền như bản án đã tuyên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện TO9;
- Chi cục THADS huyện TO9;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TOÀ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN